

Bản án số: 805/2017/DS-PT

Ngày 07-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2017/DS-ST ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1731/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị A**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 1853 Tỉnh lộ A1, ấp G, xã I, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Ngô Thành B**, sinh năm 1979;

2.2. Bà **Nguyễn Thị Bé C**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 210 H, tổ 4, ấp H, xã I, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 1853 Tỉnh lộ A1, ấp G, xã I, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bé C – đồng Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2016 và lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Thị A tại hồ sơ vụ án, thì: Ngày 24/11/2013, bà cho vợ chồng ông Ngô Thành B và bà Nguyễn Thị Bé C mượn số tiền 34.000.000 đồng, không lãi suất. Bà C là người viết giấy nhận tiền và ông B ký tên. Ngày 07/12/2013, bà kiện đòi nợ ở ấp H, xã I, huyện E thì bà C đồng ý trả cho bà 1.000.000 đồng/tháng, nhưng đến nay vẫn không trả cho bà. Vì vậy, bà kiện yêu cầu ông B và bà C trả cho bà số tiền 34.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2016, ngày 01/12/2016 bị đơn ông Ngô Thành B trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có mượn bà A số tiền nói trên cho đến nay chưa trả, nay vợ chồng ông đồng ý trả số tiền nói trên cho bà A nhưng do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên xin được trả dần 500.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cùng ngày 09/6/2016 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/11/2016, bà Nguyễn Thị Bé C trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có mượn số tiền nói trên của bà A nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay, vợ chồng bà đồng ý trả số tiền này cho bà A nhưng do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên xin được trả dần 500.000 đồng/tháng.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn D trình bày: Vợ ông (bà A) có cho ông B, bà C mượn số tiền nói trên nhưng cho đến nay chưa trả; đây là tài sản riêng của bà A ông không biết gì về việc này. Do bận việc nên ông xin vắng mặt.

Bản án sơ thẩm số 162/2017/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị A.

Buộc ông Ngô Thành B, bà Nguyễn Thị Bé C có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị A số tiền 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị A để cho ông Ngô Thành B, bà Nguyễn Thị Bé C trả nợ làm 04 lần (03 lần đầu trả 10.000.000 đồng/tháng, lần thứ 4 trả 4.000.000 đồng) bắt đầu trả nợ từ ngày 30/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Ngô Thành B, bà Nguyễn Thị Bé C phải chịu 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng; trả lại cho bà Lâm Thị A tiền

tạm ứng án phí 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002744 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 28/4/2017, đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, bà cho rằng số tiền 34.000.000 đồng là nợ riêng của chồng bà là ông Ngô Thành B, không phải là nợ chung của vợ chồng bà, nên bà không đồng ý cùng ông B trả nợ cho bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé C trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Bà không đồng ý cùng chồng là ông B trả số tiền nợ 34.000.000 đồng cho bà A vì đây là nợ riêng của ông B. Bà không biết gì về số nợ này, ông B cũng không đưa số tiền này về chi tiêu trong gia đình mà thực chất ông B chơi hụi giùm cho người hàng xóm và nay người này cũng không còn cư trú ở địa phương nên không đưa tiền cho ông B đóng tiếp hụi chết. Bà thừa nhận chính bà là người viết giấy mượn tiền ngày 24/11/2013, còn ông B là người ký tên và giao lại cho bà A; lý do bà viết giấy mượn tiền là vì bà A đến đòi nợ nên bà viết thay cho ông B. Bà cũng có cùng ý kiến là xin cho ông B trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu tháng nào ông B không đủ tiền trả thì bà sẽ hỗ trợ cho ông B trả cho đủ.

Nguyên đơn là bà Lâm Thị A đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đồng bị đơn – ông Ngô Thành B trình bày: Ông thừa nhận ông còn nợ bà A số tiền 34.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, công việc làm thu nhập không cao nên ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/10/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về hình thức, đơn kháng cáo của bà C làm trong thời hạn luật định, nên chấp nhận.

Về nội dung, ông B và bà C cùng thừa nhận có nợ bà A số tiền 34.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ở ấp H, bà C cũng thừa nhận số nợ này với bà A đồng thời xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Đây là sự thừa nhận nợ chung và tự nguyện trả của bà C, không ai ép buộc, nên yêu cầu kháng cáo của bà C không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, để đảm bảo thi hành án và tại phiên tòa nguyên đơn cho đồng bị đơn trả dần số nợ

34.000.000 đồng theo phương thức: Ngày 30/9/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/10/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/11/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/12/2017 trả 4.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Từ các phân tích trên, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích, đồng thời sửa lại câu chữ trong phần tuyên nghĩa vụ do chậm thực hiện việc trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án, bà Nguyễn Thị Bé C có mặt tại phiên tòa. Ngày 28/4/2017 bà C nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà C được nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị Bé C không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm để xét yêu cầu kháng cáo của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đều không yêu cầu tòa án áp dụng các quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện, nên không xem xét.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của đồng bị đơn - bà Nguyễn Thị Bé C, về việc không chấp nhận cùng chồng là ông Ngô Thành B trả số tiền nợ là 34.000.000 đồng cho bà Lâm Thị A vì cho rằng đây là nợ riêng của ông B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy mượn tiền ngày 24/11/2013 thì, ông Ngô Thành B có mượn của bà Lâm Thị A số tiền 34.000.000 đồng tiền hụi, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Theo lời thừa nhận của ông B và vợ là bà Nguyễn Thị Bé C thì số nợ này phát sinh từ việc ông B chơi hụi do bà A làm đầu thảo; sau khi hốt hụi, ông B có đóng hụi chết cho bà A một thời gian thì ngưng, số tiền ông B còn nợ lại là 34.000.000 đồng (17 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000 đồng). Do gặp hoàn cảnh khó khăn nên ông B không trả tiếp. Vì vậy, bà A khởi kiện vợ chồng ông B, bà C yêu cầu trả số tiền nói trên. Tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp H, xã I, biên bản hòa giải tại tòa án ngày 09/6/2016, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/12/2016, bà C đều thừa nhận số tiền 34.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng bà nhưng do khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Xét, mặc dù giấy mượn tiền ngày 24/11/2013 chỉ ghi ông B nợ bà A và cũng chỉ có mình ông B ký tên vào giấy nợ, nhưng giấy này là do bà C viết, ông

B ký tên, cả bà C và ông B đều cho rằng đây là khoản nợ hui mà ông B chơi giùm cho người hàng xóm. Tuy nhiên, trong một thời gian dài sau khi hốt hui, ông B vẫn đóng hui chết cho bà A, chỉ còn nợ lại 17 kỳ với số tiền 34.000.000 đồng; và khi bà A đến yêu cầu trả nợ thì chính bà C viết giấy mượn tiền, lời khai của bà C tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp H, xã I, biên bản hòa giải tại tòa án ngày 09/6/2016 cũng xác nhận là vợ chồng bà còn nợ bà A số nợ nói trên. Điều này chứng tỏ, bà C biết về số nợ này, bà C cũng không chứng minh được ông B sử dụng số tiền này vào việc riêng, số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B và bà C, nên bản án sơ thẩm buộc ông B và bà C có trách nhiệm trả cho bà A số tiền này là có căn cứ, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

Về thời hạn trả nợ, tại phiên tòa phúc thẩm bà A cho ông B và bà C trả dần số nợ 34.000.000 đồng làm 04 lần như sau: Ngày 30/9/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/10/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 30/11/2017 trả 10.000.000 đồng và ngày 30/12/2017 trả 4.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và có lợi cho phía bị đơn, nên ghi nhận, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về phần này. Mặt khác, để đảm bảo cho việc thi hành án Hội đồng xét xử cần chỉnh sửa lại câu chữ trong quyết định của bản án sơ thẩm tại phần tuyên nghĩa vụ do chậm trả tiền. Các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm, do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 2 Điều 296, Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 471, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đính kèm danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng bị đơn - bà Nguyễn Thị Bé C. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lâm Thị A.

Buộc ông Ngô Thành B và bà Nguyễn Thị Bé C có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị A số tiền 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị A về việc để cho ông Ngô Thành B và bà Nguyễn Thị Bé C trả số nợ nói trên làm 04 lần như sau: Ngày 30/9/2017 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ngày 30/10/2017 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng, ngày 30/11/2017 trả 10.000.000 (mười triệu) đồng và ngày 30/12/2017 trả 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Thành B và bà Nguyễn Thị Bé C phải chịu 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng; trả lại cho bà Lâm Thị A tiền tạm ứng án phí 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002744 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0006731 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện E;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu (P/19).

Trịnh Thị Ánh